TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **169/**2021/HNGĐ- ST.
Ngày 10/6/2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ninh

2. Ông Nguyễn Quang Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2021 về việc: ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

Bị đơn: Chị Trần Ngọc Á, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Quang Sơn, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang**.**

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Á vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Ngọc Á tìm hiểu và tự nguyện đăng kí kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh tại tổ 11 phường T thành phố Q. Quá trình chung sống hạnh phúc với nhau được 7 tháng. Đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau, chị Á bỏ nhà đi đi đâu anh không biết, cùng không nói với anh hiện nay làm gì ở đâu, anh có lên nhà bố mẹ chị Á trên Chiêu Yên nhưng cũng không gặp

được chị Á, từ tháng 7/2019 đến nay vợ chồng anh sống ly thân, hiện nay chị Á làm gì ở đâu anh không biết. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Ngọc Á.

Anh và chị Á không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ ai

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Á trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân T, xử cho anh Bùi Xuân T được ly hôn với chị Trần Ngọc Á. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T và chị Á kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định chị Trần Ngọc Á đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Quang Sơn, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Chị Á đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Á xác định: Chị Á và Anh

T kết hôn từ năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị Thịnh Ánh chung sống cùng gia đình Anh T tại phường T, thành phố Q. Anh T trình bày vợ chồng anh sống hạnh phúc được 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 7/2019 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân

Bản thân Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Á không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị Á cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Anh T và chị Á đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Anh T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T xác định anh và chị Á không có con chung

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Á không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân T về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn* đối với chị Trần Ngọc Á

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân T được ly hôn với chị Trần Ngọc Á

2. Về án phí: Anh Bùi Xuân T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004876 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Ngọc Á không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND phường T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Văn Ninh – Nguyễn Quang Thắng	**Nguyễn Văn Toàn**